

Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ

Ba Tơ, ngày 10 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Nguyễn Định N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **Thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy A và anh Nguyễn Định N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Thúy A và anh Nguyễn Định N có một con chung tên Nguyễn An M, sinh ngày 06/01/2017. Giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu M từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 7 năm 2018 là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). Kể từ tháng 8 năm 2018, anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- **Về án phí dân sự thuận tình ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con:** Anh N chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng anh N phải chịu tiền án phí là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Chị A chịu 75.000 đồng tiền án phí sơ thẩm thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 011407 ngày 11/7/2018. Hoàn trả cho chị A số tiền 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Ngô Văn Ngoan